

THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở RỪNG ĐẶC DỤNG HƯƠNG SON, HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGÔ XUÂN TƯỜNG

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

PHẠM VĂN QUÁ

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

Chùa Hương thuộc địa phận xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội là một địa danh nổi tiếng về du lịch tâm linh và thắng cảnh của Hà Nội. Nhằm phát huy thế mạnh sẵn có của cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và ý nghĩa văn hoá, lịch sử của khu vực Hương Sơn, năm 1993 Ban Quản lý Rừng đặc dụng (RĐĐ) Hương Sơn được thành lập theo Quyết định của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội), nhằm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, giữ gìn và phát triển bền vững danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hóa Hương Sơn.

Chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát khu hệ chim, nhằm góp phần đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học của hệ sinh thái vùng núi Hương Sơn.

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thời gian và địa điểm

Các đợt khảo sát thực địa được tiến hành trong năm 2010 và 2013. Cụ thể năm 2010 tiến hành hai đợt khảo sát vào tháng 8 và tháng 11, năm 2013 tiến hành một đợt khảo sát vào tháng 4.

Địa điểm khảo sát là toàn bộ các khu vực rừng núi trong phạm vi của RĐĐ Hương Sơn và xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp điều tra thực địa

- *Khảo sát theo tuyến*: Đã thiết lập được 11 tuyến khảo sát tại thực địa. Trên các tuyến khảo sát, tiến hành quan sát các loài chim trực tiếp bằng mắt thường và ống nhòm. Các tuyến khảo sát là những đường mòn trong rừng, đi qua các dạng sinh cảnh đặc trưng của khu vực nghiên cứu. Tiến hành điều tra trên tuyến bằng cách đi chậm, chú ý nghe và quan sát chim bằng ống nhòm hoặc mắt thường về hai phía của tuyến. Chụp ảnh (chim, sinh cảnh) và thu thập những thông tin cần thiết khác.

- *Bẫy bắt các loài chim nhỏ*: Dùng lưới mờ mistnet (kích thước lưới 3 × 12m; 3 × 18m, cỡ mắt lưới 1,5 × 1,5cm) để bẫy bắt những loài chim nhỏ di chuyển nhanh, khó phát hiện trong các tầng cây bụi. Tìm vị trí thích hợp (giao nhau giữa vùng sáng và tối) để đặt lưới. Hàng ngày đi kiểm tra lưới, cách 30 phút kiểm tra lưới 1 lần. Lưới được mở vào sáng sớm (5 giờ 30), khi chim bắt đầu đi kiếm ăn và được đóng lại khi trời bắt đầu tối (17 giờ 30).

- *Phỏng vấn*: Dùng ảnh màu để phỏng vấn những người thường xuyên đi rừng và người dân địa phương để thu thập những thông tin về các loài chim ở khu vực nghiên cứu. Chuẩn bị trước các câu hỏi cần thiết, sử dụng ảnh màu của loài cần hỏi. Việc tiến hành phỏng vấn được lặp đi lặp lại ở nhiều người.

- *Thu thập các di vật*: Các di vật của chim được giữ lại trong các gia đình dân địa phương như: lông cánh, lông đuôi, mỏ, giò... được thu thập kèm theo các thông tin cần thiết như: Thời gian, địa điểm bắt được mẫu, người bắt mẫu. Những dẫn liệu này sẽ bổ sung cho việc xác định loài.

2.2. Tài liệu sử dụng

Xác định tên các loài chim tại thực địa theo sách hướng dẫn nhận dạng các loài chim có hình vẽ màu của Craig Robson (2005), Chim Việt Nam của Nguyễn Cừ, Lê Trọng Trái, Karen Philipps (2000).

Danh sách thành phần loài chim được sắp xếp và thống kê các bậc taxon dựa theo tài liệu của Inskipp T., Lindsey N. and Duckworth W. (1996) cho vùng Châu Á Thái Bình Dương. Tên Việt Nam, tên khoa học của các loài chim theo Võ Quý, Nguyễn Cừ (1999) và Charles G. Sibley and Burt L. Monroe, Jr., 1990.

2.3. Đánh giá mức độ các loài cần ưu tiên bảo tồn

Đánh giá các loài quý hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế cấp độ quốc gia và quốc tế dựa theo các tài liệu: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ; Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục Đỏ IUCN (2012).

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Thành phần loài chim ở RĐĐ Hương Sơn

Qua điều tra khảo sát thực địa và kế thừa kết quả các công trình nghiên cứu về chim đã được công bố ở RĐĐ Hương Sơn, chúng tôi đã ghi nhận được 98 loài chim thuộc 33 họ của 11 bộ (bảng 1).

Trong số 98 loài chim ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu có: 10 loài ghi nhận được bằng phương pháp lưới mờ, 94 loài quan sát trực tiếp bằng mắt thường hoặc ống nhòm, 6 loài ghi nhận được qua tiếng kêu đặc trưng của chúng, 3 loài được ghi nhận qua phỏng vấn dân địa phương, 2 loài chim ghi nhận được qua di vật và 13 loài chụp được ảnh trong quá trình điều tra, khảo sát thực địa.

Một điểm cần lưu ý là các loài chim ghi nhận được chủ yếu là những loài có kích thước nhỏ và dễ thích nghi với các sinh cảnh bị tác động nhiều. Các loài có kích thước lớn rất ít.

Bảng 1

Danh sách thành phần loài chim ở RĐĐ Hương Sơn

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Dạng thông tin	Tình trạng bảo tồn		
				NĐ32/2006	SĐVN 2007	IUCN 2012
	I. BỘ GÀ	GALLIFORMES				
	(1) Họ Trĩ	Phasianidae				
1	Cay trung quốc	<i>Coturnix chinensis</i>	QS			
2	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	QS, K			
3	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	PV, DV	IB	LR	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Dạng thông tin	Tình trạng bảo tồn		
				NĐ32/2006	SĐVN 2007	IUCN 2012
	II. BỘ NGỔNG	ANSERIFORMES				
	(2) Họ Le	Dendrocygnidae				
4	Le nâu	<i>Dendrocygna javanica</i>	QS			
	(3) Họ Cun cút	Turnicidae				
5	Cun cút lưng nâu	<i>Turnix suscitator</i>	QS			
	III. BỘ GỖ KIẾN	PICIFORMES				
	(4) Họ Gõ kiến	Picidae				
6	Gõ kiến lùn mày trắng	<i>Sasia ochracea</i>	M, QS			
7	Gõ kiến nâu	<i>Celeus brachyurus</i>	QS			
8	Gõ kiến xanh gáy vàng	<i>Picus flavinucha</i>	QS			
	(5) Họ Cu rốc	Megalaimidae				
9	Thầy chùa đít đỏ	<i>Megalaima lagrandieri</i>	QS			
10	Thầy chùa đầu xám	<i>Megalaima faiostricta</i>	QS			
	IV. BỘ SẢ	CORACIIFORMES				
	(6) Họ Bồng chanh	Alcedinidae				
11	Bồng chanh	<i>Alcedo atthis</i>	QS, A			
	(7) Họ Sả	Halcyonidae				
12	Sả đầu nâu	<i>Halcyon smyrnensis</i>	QS, A			
	V. BỘ CU CU	CUCULIFORMES				
	(8) Họ Cu cu	Cuculidae				
13	Bất cô trời cột	<i>Cuculus micropterus</i>	K			
14	Tu hú	<i>Eudynamys scolopacea</i>	QS			
15	Phướn	<i>Phaenicophaeus tristis</i>	QS			
	(9) Họ Bìm bịp	Centropodidae				
16	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>	QS, K			
17	Bìm bịp nhỏ	<i>Centropus bengalensis</i>	QS, K			
	VI. BỘ YẾN	APODIFORMES				
	(10) Họ Yến	Apodidae				
18	Yến núi	<i>Collocalia brevirostris</i>	QS			
19	Yến cằm trắng	<i>Apus affinis</i>	QS			

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Dạng thông tin	Tình trạng bảo tồn		
				NĐ32/2006	SĐVN 2007	IUCN 2012
	VII. BỘ CÚ	STRIGIFORMES				
	(11) Họ Cú lợn	Tytonidae				
20	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	QS	IIB		
	(12) Họ Cú mèo	Strigidae				
21	Cú mèo latusơ	<i>Otus spilocephalus</i>	QS			
22	Cú mèo khoang cổ	<i>Otus bakkamoena</i>	QS			
23	Cú vọ mặt trắng	<i>Glaucidium brodiei</i>	K			
	(13) Họ Cú muỗi	Caprimulgidae				
24	Cú muỗi đuôi dài	<i>Caprimulgus macrurus</i>	QS			
	VIII. BỘ BÒ CÂU	COLUMBIFORMES				
	(14) Họ Bò câu	Columbidae				
25	Cu gáy	<i>Streptopelia chinensis</i>	QS, K			
26	Cu ngói	<i>Streptopelia tranquebarica</i>	QS			
27	Cu luồng	<i>Chalcophaps indica</i>	QS			
	IX. BỘ SẾU	GRUIFORMES				
	(15) Họ Gà nước	Rallidae				
28	Gà nước vằn	<i>Gallinallus striatus</i>	QS			
29	Cuốc ngực trắng	<i>Amauornis phoenicurus</i>	QS, A			
30	Xít	<i>Porphyrio porphyrio</i>	QS			
31	Sâm cầm	<i>Fulica atra</i>	PV, DV			
	X. BỘ HẠC	CICONIIFORMES				
	(16) Họ Rẽ	Scolopacidae				
32	Rẽ giun	<i>Gallinago gallinago</i>	QS			
33	Choắt bụng trắng	<i>Tringa ochropus</i>	QS			
	(17) Họ Ưng	Accipitridae				
34	Diều hâu	<i>Milvus migrans</i>	QS, PV			
35	Ưng ẩn độ	<i>Accipiter trivirgatus</i>	QS			
	(18) Họ Cắt	Falconidae				
36	Cắt nhỏ bụng hung	<i>Microhierax caerulescens</i>	QS			

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Dạng thông tin	Tình trạng bảo tồn		
				NĐ32/2006	SĐVN 2007	IUCN 2012
	(19) Họ Chim lặn	Podicipedidae				
37	Le hôi	<i>Tachybaptus ruficollis</i>	QS			
	(20) Họ Diệc	Ardeidae				
38	Cò ngàng nhỏ	<i>Mesophoyx intermedia</i>	QS			
39	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i>	QS			
40	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i>	QS			
41	Cò xanh	<i>Butorides striatus</i>	QS			
42	Vạc	<i>Nycticorax nycticorax</i>	QS			
43	Cò lửa	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i>	QS			
	XI. BỘ SẾ	PASSERIFORMES				
	(21) Họ Bách thanh	Laniidae				
44	Bách thanh nhỏ	<i>Lanius collurio</i>	QS			
45	Bách thanh đầu đen	<i>Lanius schach</i>	QS, A			
	(22) Họ Quạ	Corvidae				
46	Giẻ cùi	<i>Urocissa erythrorhyncha</i>	QS			
47	Chim khách	<i>Crypsirina temia</i>	QS			
48	Rẻ quạt họng trắng	<i>Rhipidura albicollis</i>	QS			
49	Chèo bẻo	<i>Dicrurus macrocerus</i>	QS			
50	Chèo bẻo mỏ quạ	<i>Dicrurus annectans</i>	QS			
51	Chèo bẻo rừng	<i>Dicrurus aeneus</i>	QS			
52	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>	M, QS			
	(23) Họ Đớp ruồi	Muscicapidae				
53	Hoét xanh	<i>Myophonus caeruleus</i>	QS, A			
54	Hoét đuôi cụt bụng vẫn	<i>Brachypteryx stellata</i>	QS, A			
55	Đớp ruồi đuôi trắng	<i>Cyornis concreta</i>	M, QS			
56	Đớp ruồi hải nam	<i>Cyornis hainanus</i>	QS			
57	Đớp ruồi đầu xám	<i>Culicicapa ceylonensis</i>	QS			
58	Chích chòe	<i>Copsychus saularis</i>	QS, A			
59	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	QS	IIB		
60	Sẻ bụi đầu đen	<i>Saxicola torquata</i>	QS			

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Dạng thông tin	Tình trạng bảo tồn		
				NĐ32/2006	SĐVN 2007	IUCN 2012
	(24) Họ Sáo	Sturnidae				
61	Sáo sậu	<i>Sturnus nigricollis</i>	QS			
62	Sáo mỏ vàng	<i>Acridotheres grandis</i>	QS			
63	Sáo đen, Sáo mỏ ngà	<i>Acridotheres cristatellus</i>	QS, A			
64	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>	QS, A	IIB		
	(25) Họ Bạc má	Paridae				
65	Bạc má	<i>Parus major</i>	QS			
	(26) Họ Nhạn	Hirundinidae				
66	Nhạn bụng trắng	<i>Hirundo rustica</i>	QS			
	(27) Họ Chào mào	Pycnonotidae				
67	Chào mào vàng mào đen	<i>Pycnonotus melanicterus</i>	M, QS			
68	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i>	M, QS			
69	Bông lau tai trắng	<i>Pycnonotus aurigaster</i>	QS, A			
70	Cành cạch lớn	<i>Alophoixus pallidus</i>	M, QS			
	(28) Họ Chiền chiện	Cisticolidae				
71	Chiền chiện đầu nâu	<i>Prinia rufescens</i>	QS			
72	Chiền chiện bụng hung	<i>Prinia inornata</i>	QS, A			
	(29) Họ Vành khuyên	Zosteropidae				
73	Vành khuyên nhật bản	<i>Zosterops japonicus</i>	QS			
	(30) Họ Chim chích	Sylviidae				
74	Chích bông đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>	QS			
75	Chích bông cánh vàng	<i>Orthotomus atrogularis</i>	QS			
76	Chích mày vàng	<i>Phylloscopus coronatus</i>	QS			
77	Chích đớp ruồi đầu hung	<i>Seicercus castaniceps</i>	QS			
78	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>	QS			
79	Khướu bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>	QS			
80	Chuối tiêu đất	<i>Pellorneum tickelli</i>	M, QS			
81	Chuối tiêu ngực đốm	<i>Pellorneum ruficeps</i>	QS			
82	Họa mi đất mỏ dài	<i>Pomatorhinus hypoleucos</i>	QS			
83	Khướu đá nhỏ	<i>Napothera epilepidota</i>	QS			

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Dạng thông tin	Tình trạng bảo tồn		
				NĐ32/2006	SĐVN 2007	IUCN 2012
84	Khướu bụi đầu đen	<i>Stachyris nigriceps</i>	QS			
85	Chích chạch má vàng	<i>Macronous gularis</i>	M, QS			
86	Lách tách má xám	<i>Alcippe morrisonia</i>	QS			
87	Khướu mào bụng trắng	<i>Yuhina zantholeuca</i>	M, QS			
	(31) Họ Sơn ca	Alaudidae				
88	Sơn ca	<i>Alauda gulgula</i>	QS			
	(32) Họ Hút mật	Nectariniidae				
89	Chim sâu vàng lục	<i>Dicaeum concolor</i>	QS			
90	Hút mật ngực đỏ	<i>Aethopiga saturata</i>	QS			
91	Hút mật đỏ	<i>Aethopiga siparaja</i>	QS			
92	Bấp chuối mỏ dài	<i>Arachnothera longirostra</i>	M, QS			
	(33) Họ Sẻ	Passeridae				
93	Sẻ	<i>Passer montanus</i>	QS, A			
94	Chia vôi trắng	<i>Motacilla alba</i>	QS, A			
95	Chia vôi vàng	<i>Motacilla flava</i>	QS			
96	Chim manh vân nam	<i>Anthus hodgsoni</i>	QS			
97	Di cam	<i>Lonchura striata</i>	QS			
98	Di đá	<i>Lonchura punctulata</i>	QS			

Ghi chú: - Dạng thông tin: M: Mẫu vật thu được bằng lưới mờ; QS: Quan sát trực tiếp ngoài thiên nhiên; K: Ghi nhận được qua tiếng kêu đặc trưng; PV: Phòng vãn dân địa phương; DV: Một bộ phận của cơ thể còn được lưu giữ của dân địa phương; A: Chụp được ảnh ngoài thiên nhiên.

- Tình trạng bảo tồn:

+ NĐ32/2006: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ (2006): IB-Nghiêm cấm khai thác sử dụng; IIB-Hạn chế khai thác sử dụng.

+ SĐVN 2007: Sách Đỏ Việt Nam (2007): LR-Ít nguy cấp.

+ IUCN 2012: Danh lục Đỏ IUCN (2012).

2. Các loài chim có giá trị bảo tồn

Về giá trị bảo tồn, trước hết căn cứ vào các tiêu chí phân hạng các loài đang bị đe dọa trong SĐVN, 2007, các loài quý hiếm được ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Trong số 98 loài chim ghi nhận được ở RĐĐ Hương Sơn có 4 loài ưu tiên bảo tồn, chiếm 4,08% tổng số loài (bảng 2). Trong đó:

- Nghị định số 32/2006/NĐCP (2006): 4 loài (1 loài nhóm IB, 3 loài nhóm IIB).

- SĐVN (2007): 1 loài ở bậc LR.

Các loài chim có giá trị bảo tồn ở RĐĐ Hương Sơn

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	NĐ32/2006	SĐVN 2007
1	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	IB	LR
2	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	IIB	
3	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	IIB	
4	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>	IIB	

Ghi chú: NĐ32/2006: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ (2006): IB-Nghiêm cấm khai thác sử dụng; IIB-Hạn chế khai thác sử dụng; SĐVN, 2007: Sách Đỏ Việt Nam (2007): LR-Ít nguy cấp.

III. KẾT LUẬN

- Đã ghi nhận được 98 loài chim thuộc 33 họ, 11 bộ có ở RĐĐ Hương Sơn.

- Có tới 4 loài chim nằm trong danh mục các loài cần được ưu tiên bảo tồn. Trong đó: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (2006) có 4 loài, Sách Đỏ Việt Nam (2007) có 1 loài ở bậc LR.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã tài trợ về kinh phí và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đoàn nghiên cứu trong quá trình thực hiện đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (Phần I. Động vật). NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT, Birdlife International, 2004. Thông tin về các khu bảo vệ hiện có và đề xuất ở Việt Nam (tái bản lần thứ hai). Tập I-Miền Bắc Việt Nam.
3. Charles G. Sibley, Burt L., Monroe, Jr., 1990. Distribution and Taxonomy of Birds of the World. Yale University Press New Haven & London.
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
5. Craig Robson, 2000. A Field guide to the Birds of Thailand and South-East Asia. Asia Books, 504 pp.
6. Inskipp T., N. Lindsey, W. Duckworth, 1996. Annotated checklist of the birds of the Oriental region. Sandy, Bedfordshire, U. K.: Oriental Bird Club.
7. IUCN, 2012. Red list of Threatened animals. <http://www.redlist.org>
8. Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, Karen Phillipps, 2000. Chim Việt Nam. NXB. LĐ-XH, Hà Nội. 250 trang.
9. Võ Quý, Nguyễn Cử, 1999. Danh lục chim Việt Nam (tái bản lần thứ nhất). NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.

THE BIRD COMPOSITION OF HUONG SON SPECIAL USE FOREST, MY DUC, HA NOI

NGO XUAN TUONG, PHAM VAN QUA

SUMMARY

The surveys on the bird composition of Hương Sơn special use forest were carried out in August and November 2010 and April 2013. A total of 98 bird species belonging to 33 families, 11 orders were recorded in Hương Sơn special use forest.

Among 98 bird species were recorded, there are 4 species were listed in the Governmental Decree No 32/2006/ND-CP (2006), one species was listed in the Red Data Book of Vietnam (2007).